

Bản án số: **120/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/4/2022

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Lệ

2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi là Thư ký Toà án nhân dân Quận 4 – TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 209/2021/HNST ngày 27 tháng 05 năm 2021 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 và **Quyết định hoãn phiên** tòa số 189/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Trường C, sinh năm 1972;

Thường trú: Số X, Tân H, Châu T, Tiền G

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1981;

Thường trú: Số Y đường C, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 10/5/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Bùi Trường C trình bày: Ông và bà Trương Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2017 ngày 23/01/2017. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay sau tiệc cưới của ông C và bà T. Ông C đã bỏ nhà đi Campuchia ngay sau khi cưới 02 ngày, không sống chung cùng bà T từ đó cho đến nay đã được 05 (năm) năm và bà Thảo cũng dọn về nhà cha mẹ ở từ thời điểm đó.

Thời gian đầu ông và bà T đã cố gắng nhắn tin cho nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Đến nay mục đích

hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T. Về con chung: ông Bùi Trường C xác nhận ông và bà Trương Thị Thanh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Bùi Trường C xác nhận ông và bà Trương Thị Thanh T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn- bà Trương Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai đề ngày 26/4/2022: Bà và ông Bùi Trường C tự nguyện kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017 và tổ chức lễ cưới vào ngày 26/02/2017. Sau đám cưới bà và ông C chung sống cùng nhau được 2 ngày thì ông C trở lại Campuchia làm việc và bà trở về nhà cha mẹ tại Quận 4. Về sau bà có nhắn tin trao đổi góp ý về tiệc cưới cũng như những việc chung của gia đình nhưng ông C không trả lời tin nhắn, không nghe điện thoại, cắt đứt mọi liên lạc. Sau thời gian không thấy ông C về nước như lời hứa trước khi cưới. Có lần bà gặp ông C thì ông có đề nghị bà ly hôn nhưng bà không đồng ý. Theo bà tìm hiểu thì ông C tránh mặt bà là do vấn đề sức khỏe nên bà không đồng ý ly hôn. Bà T xác nhận giữa bà và ông Bùi Trường C không có con chung, không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Về yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà không đồng ý.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của ông C, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Thảo cụ thể, Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ...nhưng bà T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Ông Bùi Trường C và bà Trương Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Về con chung: Ông Bùi Trường C và bà Trương Thị Thanh T xác nhận không có con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản : Ông Bùi Trường C

và bà Trương Thị Thanh T xác nhận không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn: Giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Thanh T, đây là yêu cầu có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - ông Bùi Trường C khởi kiện ly hôn bị đơn là bà Trương Thị Thanh T có địa chỉ cư trú tại số Số Y đường C, Phường 16, Quận 4. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

- Về yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của bị đơn trình bày diễn biến sự việc và các sự kiện thời gian phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngay sau đám cưới, bà T và ông C chung sống cùng nhau chưa được 2 ngày thì ông C trở lại Campuchia làm việc và bà trở về nhà cha mẹ tại Quận 4 sinh sống cho đến nay đã được hơn 05 (năm) năm.

Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn tại địa phương được biết : Ông Bùi Trường C và bà Trương Thị Thanh T kết hôn và sinh sống tại nhà ông C, sau một thời gian ngắn thì thấy bà T một mình quay về sống tại nhà cha mẹ của bà T không nắm rõ được thời gian.

Từ khi thụ lý đơn khởi kiện cho đến tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là ông Bùi Trường C vẫn khẳng định không còn tình cảm gì với bà T nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn, mặc dù bị đơn không đồng ý nhưng qua những chứng cứ đã thu thập được nhận thấy ông bà đã sống ly thân từ ngay khi mới cưới (năm 2017), như vậy mục đích hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình giữa ông C và bà T không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của ông C được ly hôn với bà Trương Thị Thanh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Bùi Trường C và bà Trương Thị Thanh T xác nhận không có con chung nên HĐXX không xem xét

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Bùi Trường C và bà Trương Thị Thanh T xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Trường C được ly hôn với bà Trương Thị Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Đương sự không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không có nên không xem xét.

2. Về án phí: ông Bùi Trường C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0036414 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4: Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Bảo Trân